

Số: /SCT-KT

Hải Phòng, ngày tháng 6 năm 2024

V/v phổ biến, hướng dẫn một số
quy định của pháp luật trong hoạt động
liên quan đến tiền chất công nghiệp.

Kính gửi: Các doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến tiền chất công nghiệp

Thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; Luật Hóa chất và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật Hóa chất; công văn số 3434/VP-VX ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động quản lý, kiểm soát tiền chất công nghiệp, không để thất thoát tiền chất công nghiệp vào hoạt động sản xuất trái phép chất ma túy, Sở Công Thương phổ biến, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, sử dụng tiền chất công nghiệp (viết tắt là TCCN) đến các doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến TCCN trên địa bàn thành phố như sau:

1. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TCCN:

- Luật Hoá chất ngày 21/11/ 2007;
- Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (viết tắt là Nghị định số 113) ;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (viết tắt là Nghị định số 82);
- Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định về danh mục chất ma túy và tiền chất (viết tắt là Nghị định số 57) ;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (viết tắt là Thông tư số 32) .



(Doanh nghiệp quét mã QR để xem chi tiết các văn bản pháp luật)

2. Danh mục tiền chất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương:

- Các tiền chất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương được quy định tại Danh mục IV ban hành kèm theo Nghị định số 57, cụ thể: *Theo Phụ lục gửi kèm.*

- Các TCCN thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 113.

3. Các quy định của pháp luật trong hoạt động liên quan đến TCCN:

3.1. Hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu TCCN:

- Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu TCCN phải có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu TCCN do Cục Hóa chất - Bộ Công Thương cấp. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu TCCN là điều kiện để thông quan khi xuất khẩu, nhập khẩu TCCN theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 113.

- Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại/gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu TCCN được quy định từ khoản 2 đến khoản 7 Điều 12 Nghị định số 113, được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82.

- Hình thức tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu TCCN thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Các trường hợp được miễn trừ cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu TCCN được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 113:

+ Hàng hóa chứa tiền chất công nghiệp Nhóm 1 có hàm lượng nhỏ hơn 1% khối lượng.

+ Hàng hóa chứa tiền chất công nghiệp Nhóm 2 có hàm lượng nhỏ hơn 5% khối lượng.

3.2. Hoạt động sản xuất TCCN:

- Doanh nghiệp sản xuất TCCN phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 113, trong quá trình hoạt động sản xuất phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 Nghị định số 113.

- Doanh nghiệp sản xuất TCCN thuộc Phụ lục I-Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (ban hành kèm theo Nghị định số 113) chỉ được sản xuất hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp sau khi được Sở Công Thương địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện và có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 113 trong suốt quá trình hoạt động sản xuất.

- Phải lập sổ riêng theo dõi tình hình sản xuất TCCN. Sổ theo dõi bao gồm: Số lượng tiền chất đã sản xuất, số lượng tồn kho, số lượng đã bán, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân mua TCCN.

- Trong quá trình sản xuất phải có biện pháp quản lý, kiểm soát TCCN và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm thất thoát TCCN.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Nghị định số 113, được sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 82.

3.3. Hoạt động kinh doanh TCCN:

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh tiền chất công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 113, trong quá trình hoạt động kinh doanh phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 Nghị định số 113.

- Doanh nghiệp kinh doanh TCCN thuộc Phụ lục I-Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (ban hành kèm theo Nghị định số 113) chỉ được kinh doanh hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp sau khi được Sở Công Thương địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện và có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 113 trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

- Phải có đầy đủ hóa đơn mua bán, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp các loại TCCN.

- Phải lập sổ theo dõi riêng TCCN. Sổ theo dõi bao gồm các thông tin: Tên đầy đủ, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax; tên tiền chất công nghiệp, số lượng mua, bán, tồn kho; mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân mua TCCN.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Nghị định số 113, được sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 82.

3.4. Hoạt động quản lý, kiểm soát sử dụng TCCN (quy định tại Điều 11a Nghị định số 113, được bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82):

- Phải có đầy đủ hóa đơn mua TCCN, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, thông tin về nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp các loại TCCN; có phiếu xuất kho, nhập kho.

- Phải lập sổ theo dõi tình hình sử dụng TCCN. Sổ theo dõi bao gồm các thông tin: Tên TCCN, số lượng tiền chất mua vào (số lượng nhập khẩu, mua trong nước), số lượng đã sử dụng, số lượng tồn kho; mục đích sử dụng TCCN.

- Trong quá trình sử dụng TCCN, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp quản lý, kiểm soát TCCN và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm thất thoát TCCN.

- Thực hiện các quy định tại Chương V của Luật Hóa chất.

Ngoài các quy định cụ thể trên, doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến TCCN phải tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động hoá chất tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về hoá chất.

Trên đây là nội dung phổ biến, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu TCCN. Sở Công Thương yêu cầu các doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến TCCN chủ động nghiên cứu, rà soát và nghiêm túc tuân thủ thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở, PGĐ các Sở;
- Lưu: VT, P.KT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Tuấn Hải

Phụ lục

**DANH MỤC TIỀN CHẤT THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ
CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo công văn số /SCT-KT ngày /6/2024 của Sở Công Thương)

IVA: Các tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy (danh mục này bao gồm cả các muối có thể tồn tại của các chất có đánh dấu *):

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS	Mã số hàng hóa	Cơ quan quản lý
1	1-phenyl-2-propanone (P2P)	1-phenyl-2-propanone	103-79-7	2914.31.00	Bộ Công Thương
2	Acetic anhydride	Acetic oxide	108-24-7	2915.24.00	Bộ Công Thương
3	Alpha-phenyl acetoacetonitrile (APAAN)	3-oxo-2-phenylbutanenitrile	4468-48-8	2926.40.00	Bộ Công Thương
4	Anthranilic acid*	2 - Aminobenzoic acid	118-92-3	2922.43.00	Bộ Công Thương
5	Benzaldehyde	Benzaldehyde	100-52-7	2912.21.00	Bộ Công Thương
6	Benzyl cyanide	2-Phenylacetone nitrile	140-29-4	2926.90.00	Bộ Công Thương
7	Cyclopentyl bromide	Bromocyclopentane	137-43-9	2903.89.90	Bộ Công Thương
8	Cyclopentyl chloride	Chlorocyclopentane	930-28-9	2903.89.00	Bộ Công Thương
9	Cyclopentyl magnesium bromide	Cyclopentyl magnesium bromide	33240-34-5	2903.89.00	Bộ Công Thương
10	Gamma-butyrolactone (GBL)	Dihydrofuran-2(3H)-one	96-48-0	2932.20.90	Bộ Công Thương
11	Isosafrole	1,3 - Benzodioxole - 5 - (1 - propenyl)	120-58-1	2932.91.00	Bộ Công Thương
12	Lysergic acid*	(8b) - 9,10 - didehydro - 6 - methylergolin - 8 - carboxylic acid	82-58-6	2939.63.00	Bộ Công Thương
13	N-acetylanthranilic acid*	1 - Acetylamino - 2 - carboxybenzene	89-52-1	2924.23.00	Bộ Công Thương
14	o-Chlorobenzonitrile	2-Chlorobenzonitrile	873-32-5	2926.90.00	Bộ Công Thương
15	o-Bromobenzonitrile	2-Bromobenzonitrile	2042-37-7	2926.90.00	Bộ Công Thương
16	Phenylacetic acid*	Benzeneacetic acid	103-82-2	2916.34.00	Bộ Công Thương

17	Piperidine*	Cyclopentimine	110-89-4	2933.32.00	Bộ Công Thương
18	Piperonal*	1,3-Benzodioxole-5-carbaldehyde	120-57-0	2932.93.00	Bộ Công Thương
19	Piperonyl methyl ketone	3,4-methylenedioxyphenyl-2-propanone	4676-39-5	2932.92.00	Bộ Công Thương
20	Propiophenone	1-phenyl-1-propanone	93-55-0	2914.39.00	Bộ Công Thương
21	Safrole	5-(prop-2-en-1-yl)-2H-1,3-benzodioxole	94-59-7	2932.94.00	Bộ Công Thương

IVB: Các tiền chất là hóa chất, dung môi, chất xúc tác dùng trong quá trình sản xuất chất ma túy:

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS	Mã số hàng hóa	Cơ quan quản lý
1	Acetic acid	Ethanoic acid	64-19-7	2915.21.00	Bộ Công Thương
2	Acetone	2-propanone	67-64-1	2914.11.00	Bộ Công Thương
3	Acetyl chloride	Acetyl chloride	75-36-5	2915.90.10	Bộ Công Thương
4	Ammonium formate	Ammonium formate	540-69-2	2915.12.00	Bộ Công Thương
5	Diethylamine	N-ethylethanamine	109-89-7	2921.19.00	Bộ Công Thương
6	Ethyl ether	1-1'-oxybis[ethane]	60-29-7	2909.11.00	Bộ Công Thương
7	Ethylene diacetate	1,2-ethanediol diacetate	111-55-7	2915.39.90	Bộ Công Thương
8	Formamide	Methanamide	75-12-7	2924.19.90	Bộ Công Thương
9	Formic Acid	Methanoic Acid	64-18-6	2915.11.00	Bộ Công Thương
10	Hydrochloric acid	Hydrochloric acid	7647-01-0	2806.10.00	Bộ Công Thương
11	Methyl ethyl ketone	2-Butanone	78-93-3	2914.12.00	Bộ Công Thương
12	Methylamine	Methanamine	74-89-5	2921.11.00	Bộ Công Thương
13	Nitroethane	Nitroethane	79-24-3	2904.20.90	Bộ Công Thương
14	Potassium permanganate	Potassium permanganate	7722-64-7	2841.61.00	Bộ Công Thương
15	Sulfuric acid	Sulfuric acid	7664-93-9	2807.00.00	Bộ Công Thương

16	Tartaric acid	2,3-Dihydroxy butanedioic acid	526-83-0 87-69-4 133-37-9	2918.12.00	Bộ Công Thương
17	Thionyl chloride	Thionyl chloride	7719-09-7	2812.17.00	Bộ Công Thương
18	Toluene	Methyl benzene	108-88-3	2902.30.00	Bộ Công Thương

